TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 147/2018/HSST
Ngày 12/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên toà:Bà Thái Thị Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2018/HSST ngày 25/01/2018, theo quyếáođịnh đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HS ngày 16/02/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ V Q, Sinh ngày 15/03/1991

Tên gọi khác: không

- Nơi ĐKHKTTxóm 8, thôn P, xã H, huyện L, tỉnh N; Chỗ ở: tổ 3, phường TD, TP TN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ V hóa: 6/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Lao động tự do. Con ông Đỗ V T, sinh năm 1948; con bà: Trần Thị Đ, sinh năm 1947 KHTT: xóm 8, thôn P, xã H, huyện L, tỉnh N; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 05, có vợ: Khuất Thị P, sinh năm 1994, có 01 con sinh năm 2014 hiện đang trú tại xóm 8, thôn P, xã H, huyện L, tỉnh N.

-Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: 02

+ Tại bản án số 18/2007/HSST ngày 08/6/2007, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh N xử phạt 05 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong bản án ngày 08/6/2008.

+ Ngày 26/12/2017,bị Công an thành phố TN ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 19/11/2017.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm từ ngày 21/11/2017 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa);

Người bị hại:Chị Lê Thị H1, sinh năm 1973, trú tại tổ 03, phường TD, thành phố TN.

(Cómặt tại phiên tòa)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1947, trú tại: xóm 8, thôn P, xã H, huyện L, tỉnh N;(Có mặt tại phiên tòa)

- Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1983, trú tại số nhà 35, ngõ 67, đường LTN, phường ĐT, quận HBT, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Anh Nguyễn V V, sinh năm 1984, trú tại tổ 17, phường QT, thành phố TN.(Vắng mặt tại phiên tòa)

- Chị Lê Thị H2, sinh năm 1989, trú tại tổ 17, phường QT, thành phố TN.(Vắngmặt tại phiên tòa)

- Anh Phạm V T1, sinh năm 1970, trú tại tổ 03, phường TD, thành phố TN. (Cómặt tại phiên tòa)

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 16/11/2017, Đỗ V Q đang ở và làm thuê tại lò bánh mỳ của gia đình chị Lê Thị H1 (sinh năm 1973; HKTT: Xóm 18, xã Chính Lý, huyện L, tỉnh N) thuộc tổ 03, phường TD, thành phố TN. Quá trình làm việc và sinh hoạt tại nhà chị H1, Q để ý thấy chị H1 cất tiền bán bánh mỳ hàng ngày trong một chiếc hòm tôn màu xám, có kích thước (25 x 40 x 60)cm, để ở góc phòng ngủ của chị H1 ở tầng 2, Q đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị H1.Q đi từ tầng 1 lên phòng ngủ của mình ở tầng 3, khi đi qua cửa phòng ngủ của chị H1 ở tầng 2 thấy cửa phòng hé mở, do biết chị H1 về quê không có nhà và biết anh Phạm V T1 (sinh năm 1970, chồng chị H1) cùng con trai là Phạm V Hiển (sinh năm 1991, đều trú tại tổ 03, phường TD, thành phố TN) đi giao bánh mỳ chưa về nên Q đã mở cửa phòng ngủ của chị H1 tìm chiếc hòm tôn đựng tiền. Thấy chiếc hòm tôn có khóa để ở trong tủ bàn trang điểm gần cửa ra vào, cửa tủ không khóa, Q ngồi xuống rồi dùng 02 tay bẻ, cạy nắp hòm tôn vênh lên tạo thành một lỗ ở 01 góc hòm kích thước khoảng 06 cm, sau đó Q thò tay phải vào trong sờ thấy có giấy tờ bên trong và thấy có 02 túi nilon trong đáy hòm nên kéo ra góc hòm thì thấy bên trong túi nilon màu đỏ có nhiều kẹp tiền được buộc bằng dây nịt màu vàng. Q dùng tay phải rút túi nilon ra lấy 02 kẹp tiền đút vào túi quần đùi bên phải của Q đang mặc rồi thả túi nilon vào trong hòm và dùng tay bẻ nắp hòm tôn cho phẳng như ban đầu, đóng cửa tủ lại như cũ để tránh bị phát hiện rồi đi thẳng về phòng ngủ của mình. Khi về phòng ngủ, Q bỏ 02 kẹp tiền vừa lấy trộm được ra để đếm thì thấy một kẹp có 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng, một kẹp tiền có 05 tờ tiền 200.000 đồng và 10 tờ tiền

mệnh giá 100.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng. Q cất tiền vào túi sau quần bò xanh của mình treo trên tường rồi đi làm việc như bình thường.

Đến khoảng 05 giờ 00 phút ngày 17/11/2017, chị H1 về quê chưa lên, chồng và con trai chị H1 đi giao bánh mỳ không có nhà. Q lại tiếp tục vào phòng ngủ của chị H1, vẫn với cách thức như hôm trước, Q đã lấy trộm tiền trong hòm tôn của chị H1 được 04 kẹp tiền buộc bằng dây nịt đem về phòng ngủ của mình đếm mỗi kẹp tiền là 1.000.000 đồng gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng tất cả được số tiền là 4.000.000 đồng. Sau đó, Q lại cất tiền vào túi sau quần bò xanh của mình treo trên tường cùng với số tiền trộm cắp được từ hôm trước.

Sáng ngày 18/11/2017, Q gọi điện cho chị gái là Đỗ Thị D (sinh năm 1983, HKTT xóm 10, xã C, huyện L, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay là số nhà 35, ngõ 67, đường LTN, phường ĐT, quận HBT, TP. Hà Nội) và gửi vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank của D số tiền 3.000.000 đồngtrong số tiền mà Q trộm cắp được ngày 16/11 và 17/11/2017. Đến chiều 18/11/2017, Q gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn V V (sinh năm 1984; HKTT xóm 8, thôn P, xã H, huyện L, tỉnh N hiện đang tạm trú ở tổ 17, phường QT, thành phố TN), nhờ V cầm gửi về cho mẹ mình là bà Trần Thị Đ (sinh năm 1947, HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 8, thôn P, xã H, huyện L, tỉnh N) số tiền 2.000.000 đồng là tiền mà Q đã trộm cắp được. Ngày 19/11/2017, V đưa số tiền đó cho vợ mình là Lê Thị H2 (sinh năm 1989; HKTT xóm 8, thôn P, xã H, huyện L, tỉnh N) cầm về quê đưa cho bà Đ mẹ của Q. Số tiền còn lại Q sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Tiếp tục ngày 19/11/2017 Q tiếp tục trộm số tiền 1.800.000đ của gia đình chị H1. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị H1 đã đến Công an phường TD, thành phố TN trình báo.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ V Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của Q, phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc hòm tôn đã qua sử dụng, kích thước (25x40x60)cm; 01 khóa Việt Tiệp (do cơ quan điều tra tạm giữ); số tiền 7.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quá trình điều tra, chị Đỗ Thị D và bà Trần Thị Đ đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị H1 là chủ sở hữu, quản lý và sử dụng.Chị H1 không có yêu cầu bồi thường gì khác, và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 80/CT-VKSNDTPTN ngày 23/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố Đỗ V Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Đỗ V Q

phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,h,s khoản 1,2Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Đỗ V Q từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2017

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Phần dân sự:Tài sản đã được thu hồi, chị H1 đã nhận lại tài sản không có ý kiến yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị Q số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước;

Bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ, chobị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, bị hại chị Lê thị H1 có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như:Đơn trình báo,lời khai củabị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định:

Trong các ngày 16/11 và 17/11/2017, tại phòng ngủ tầng 2 của gia đình chị Lê Thị H1 thuộctổ 03, phường TD, thành phố TN, tỉnh TN, Đỗ V Q đã trộm cắp của chị Lê Thị H1tổng số tiền là 7.000.000đ. Số tiền trên ngày 18/11/2017 Q đã gửi về cho gia đình 5 triệu, số còn lại bị cáo đã chi tiêu cá nhân.

Ngày 19/11/2017 Q tiếp tục trộm số tiền 1.800.000đ của gia đình chị H1, do hành vi không cấu thành tội phạm nên Công an thành phố TN đã ra Q định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q theo quy định.

Số tài sản bị cáo trộm cắp trong 3 ngày tổng cộng8.800.000đ đã được thu hồi và trả lại cho gia đình chị Lê Thị H1 quản lý, sử dụng. Gia đình chị H1, anh T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, tại phiên tòa chị H1 có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Như vậy, với hành vi lén lút trộm cắp tài sản mà bị cáo thực hiện là 7.000.000đ (bẩy triệu đồng) vào các ngày 16 và 17/11/2017của gia đìnhchị Lê Thị H1, trú tại tổ 03, phường TD, thành phố TN là do hưởng lợi bất chính, hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là H2 toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Điều 138 BLHS quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án trộm cắp tài sản mà Q chiếm đoạt có giá trị 7 triệu đồng, ngoài ra bị cáo còn thực hiện một lần trộm cắp tài sản có giá trị 1.800.000đ đã được Cơ quan Công an thành phố TN ra quyết định xử phạt hành chính. Hành vi của bị cáo nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nói chung và trong địa bàn thành phố TN nói riêng.

Xét nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáoQ chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân rất xấu: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh N xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong bản án ngày 08/6/2008; ngày 26/12/2017 bị Công an thành phố TN ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 19/11/2017. Bị cáo không lấy đó làm bài học, tu dưỡng đạo đức bản thân, lười lao độnghám lời bất chính nên đã phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật nên khi lượng hình cần có một hình phạt tương xứng với tội trạng của bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong vụ án này, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình là: "*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*", "*Phạm tội gây thiệt hại không lớn*" và"*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*". Bị hại có ý kiếnxin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sựquy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2005 đó là: "*Phạm tội nhiều lần".*Xét nhân thân và điều kiện kinh tế của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ra Q định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với hành vi trộm cắp số tiền 1.800.000đ vào ngày 19/11/2017, do hành vi không cấu thành tội phạm nên Công an thành phố TN đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q theo quy định.

Trong vụ án này, còn có Nguyễn V V, Lê Thị H2, Trần Thị Đ là những đã người chuyển và nhận số tiền 2.000.000đ; Đỗ Thị D là người nhận số tiền 3.000.000 đồng do Q trộm cắp của chị H1. Tuy nhiên, khi chuyển và nhận số tiền trên, những người này không biết Q đã trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi, bị hại đã nhận lại tài sản không có ý kiến yêu cầu bồi thường nên không xem xét

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước, theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ V Q phạm tội: Trộm cắp tài sản.

1. Về hình phạt:Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; điểm b,h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 38 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Đỗ V Q 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2017. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục tạm giam bị cáo Đỗ V Q 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị Q số 326/2016/NQ –UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ V Q phải nộp 200.000 đồng án phí HSST sung quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanvắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ
- Lưu HS; Lưu BP.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HS; Lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu H1